

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày: 10 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kiên Cường và bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Triệu Đức T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1992 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: thôn P (nay là thôn Đ), xã C, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đức D và bà Mạc Thị T1; vợ, con: không có;

Tiền án: 01 (Tại bản án số 35/2023/HSST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt Triệu Đức T 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. (Ngày 06/6/2024 chấp hành xong hình phạt tù).

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 11/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/6/2026, sau đó tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 02 – Công an tỉnh T. Có mặt.

2. Lý Văn L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn N (nay là thôn B), xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn L1 và bà Hà Thị Đ (đã chết); vợ: đã ly hôn; con: 02 (sinh năm 2003 và 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/9/2021 bị Công an xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ)

xử phạt tiền về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/4/2026, sau đó tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 02 – Công an tỉnh T. Có mặt.

3. Lý Văn N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1997 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Tổ A (nay là tổ E), phường B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; vợ, con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/4/2026, sau đó tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 02 – Công an tỉnh T. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nông Thị N1**, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 28/4/2026 tại khu vực tổ A, phường B (nay là tổ E, phường B) Công an phường B, tiến hành kiểm tra Lý Văn L, trú tại thôn N, xã B, thu giữ trong túi áo khoác đang trước bên trái L đang mặc 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, bên trong có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, bên trong có chứa chất dạng cục và bột màu trắng nghi là chất ma túy, tiến hành niêm phong vào trong phong bì ký hiệu L1, tiếp tục thu giữ trong túi áo khoác trắng, bên trong đều chứa chất dạng cục và bột màu trắng nghi là chất ma túy, tiến hành niêm phong vào trong phong bì ký hiệu L2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO niêm phong vào phong bì ký hiệu L3; 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng niêm phong vào trong phong bì ký hiệu L4; 02 xilanh nhựa và 02 lọ nước cất chưa qua sử dụng niêm phong vào trong phong bì ký hiệu L5, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX biển kiểm soát 97B1- 384.86.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Lý Văn L. Kết quả dương tính với chất ma túy OPIATE.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lý Văn L tại tổ A, phường B (nay là tổ E, phường B). Kết quả khám xét không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu L3 để kiểm tra các cuộc gọi đi, đến, tin nhắn trên điện thoại di động nhãn hiệu OPPO. Kết quả phát hiện 03 cuộc gọi đến số thuê bao 0339.064.980 vào ngày 28/4/2026, L khai nhận đây là số điện thoại của Triệu Đức T, trú tại: thôn P, xã C (nay thôn Đ, xã C), L gọi để trao đổi mua ma túy với T. Sau khi kiểm tra niêm phong lại vào phong bì ký hiệu L3.

Tiến hành mở niêm phong, cân toàn bộ chất dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu L1 có khối lượng 0,116g (Không phải một một sáu gam). Sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu A1 gửi giám định. Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu L2, cân toàn bộ chất dạng cục và bột được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có khối lượng 0,155g (không phải một năm năm gam), sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu A2 gửi giám định, chất dạng cục và bột được gói bằng giấy một mặt in hình, một mặt màu trắng có khối lượng 0,125g (không phải một hai năm gam), sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu A3 gửi giám định. Vỏ phong bì ký hiệu L1, L2, giấy gói cũ được niêm phong vào phong bì ký hiệu A4.

Tại kết luận giám định số: 816/KL-KTHS ngày 07/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Mẫu chất trong 03 phong bì ký hiệu A1, A2, A3 gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine; có tên gọi khác là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì A1 gửi giám định là: 0,116g (không phải một một sáu gam);

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì A2 gửi giám định là: 0,155g (không phải một năm năm gam);

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì A3 gửi giám định là: 0,125g (không phải một hai năm gam).

Sau giám định mẫu chất còn lại cùng giấy gói cũ được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T48.

Tại cơ quan điều tra Lý Văn L khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 28/4/2026, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX biển kiểm soát 97B1 – 384.86 đi từ phòng trọ tại tại tổ A, phường B (nay là tổ E, phường B) đến khu vực thôn P, xã C (nay thôn Đ, xã C) mua với Triệu Đức T 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) được 01 gói ma túy - Heroine. Nguồn gốc số tiền mua ma túy: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) là tiền của L, còn 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là tiền của Lý Văn N đưa cho nhờ L mua hộ ma túy. Sau khi mua được ma túy, L chia gói ma túy thành 03 gói nhỏ, trong đó 01 gói được gói bằng giấy, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, L cất giấu trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, 01 gói được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng là phần của N, L xác định về đưa lại cho N, 01 gói được gói bằng giấy một mặt có in hình, một mặt màu trắng. Toàn bộ 03 gói được L cất giấu trong túi áo khoác đang trước bên trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về, khi về đến trước khu vực phòng trọ thì bị bắt quả tang. Mục đích L và N mua ma túy là để sử dụng cho bản thân.

Lý Văn N thừa nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/4/2026 gửi L số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nhờ L mua hộ 01 gói ma túy Heroine để sử dụng.

Tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Fealme thu giữ của Lý Văn N. Kết quả không phát hiện nội dung nào liên quan đến hành vi phạm tội. Sau khi kiểm tra niêm phong lại vào phong bì ký hiệu N1.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Lý Văn N. Kết quả dương tính với chất ma túy OPIATE.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lý Văn N tại tổ A, phường B (nay là tổ E, phường B). Kết quả khám xét không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, công trình phụ cận của Triệu Đức T tại thôn P, xã C (nay thôn Đ, xã C), T bỏ trốn, qua khám xét đã thu giữ:

- 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T1;

- 01 tờ giấy có hai mặt đều màu trắng bạc, một mặt bảm dính chất màu đen và chất dạng cục màu trắng nghi là chất ma túy được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T2.

- 01 tờ giấy một mặt màu trắng, một mặt có chữ in bên trong có chứa chất dạng cục và bột màu trắng nghi là chất ma túy được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T3.

- 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì ký hiệu T4;

- 01 hộp nhựa màu xám bên trong có các dụng cụ tua-vít, búa, kìm, thước dây và 01 túi nilon trong suốt có khóa zip màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ bên trong có 15 gói đều được gói bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bên trong mỗi gói đều chứa chất dạng cục và bột màu trắng nghi là chất ma túy được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T5;

- 01 túi nilon trong suốt có khóa zip màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ bên trong có tổng số tiền 1.240.000đ (một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu T6.

- 01 gói được gói bằng túi ni lon trong suốt bên trong có chứa chất dạng cục và bột màu trắng nghi là chất ma túy được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T7.

Tiến hành mở niêm phong kiểm tra vật chứng bên trong các phong bì ký hiệu T1, T6. Sau khi kiểm tra, niêm phong 01 bật lửa màu đỏ vào trong phong bì ký hiệu B1, tổng số tiền 1.740.000đ (một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) được gửi tại tài Kho bạc nhà nước khu vực VII. Vỏ phong bì ký hiệu T1, T6 được niêm phong lại vào phong bì ký hiệu B2.

Tiến hành mở niêm phong kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Triệu Đức T trong phong bì ký hiệu T4. Phát hiện một số cuộc gọi liên lạc với số thuê bao của Lý Văn L. Sau khi kiểm tra niêm phong điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vào phong bì ký hiệu A1.

Tiến hành cân toàn bộ chất màu đen và chất dạng cục màu trắng trong phong bì ký hiệu T2 có khối lượng 0.015g (không phải không một năm gam). Sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 gửi giám định.

Tiến hành cân toàn bộ chất dạng cục và bột màu trắng trong phong bì ký hiệu T3 có khối lượng 0.014g (không phải không một bốn gam). Sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu M2 gửi giám định.

Tiến hành cân toàn bộ chất dạng cục và bột màu trắng bên trong phong bì ký hiệu T7 có khối lượng 1.003g (một phải không không ba gam). Sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu M3 gửi giám định.

Tiến hành cân toàn bộ chất dạng cục và bột màu trắng bên trong phong bì ký hiệu T5 có khối lượng 1.062g (một phải không sáu hai gam). Sau cân niêm phong vào phong bì ký hiệu M4 gửi giám định.

Phong bì ký hiệu T2, T3, T5, T7 cùng toàn bộ giấy gói cũ, túi khóa Zip, túi nilon cũ được niêm phong vào phong bì ký hiệu M5.

Tại kết luận giám định số: 815/KL-KTHS ngày 07/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Mẫu chất trong 04 phong bì ký hiệu M1, M2, M3, M4 gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine; có tên gọi khác là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì M1 gửi giám định là: 0.015g (không phải không một năm gam);

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì M2 gửi giám định là: 0.014g (không phải không một bốn gam);

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì M3 gửi giám định là: 1.003g (một phải không không ba gam).

- Khối lượng mẫu chất trong phong bì M4 gửi giám định là: 1.062g (một phải không sáu hai gam);

Sau giám định mẫu chất còn lại cùng giấy gói cũ được niêm phong vào trong phong bì ký hiệu T47.

Ngày 05/6/2026 Triệu Đức T đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi bán trái phép chất ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Đức T thừa nhận ngày 28/4/2026 điều khiển xe mô tô BKS: 97B1-140.97 mượn của chị Nông Thị N1, trú tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực đường liên thôn thuộc thôn P, xã C (nay là thôn Đ, xã C) bán cho Lý Văn L 01 gói ma túy Heroine với giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn số ma túy bị thu giữ tại phòng ngủ của T là của T để sử dụng và bán cho người khác kiếm lời. Nguồn gốc do T mua của 01 người đàn ông tên Ngô

Thế V (không biết địa chỉ) tại khu vực đường tròn Diêm Thụy gần UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 28/4/2026 chị Nông Thị N1 tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô BKS: 97B1-140.97 cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Triệu Đức T4. Kết quả âm tính với chất ma túy.

Quá trình giải quyết, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Với hành vi trên, bản Cáo trạng số 42/CT-VKSKV6 ngày 12/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Triệu Đức T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; truy tố bị cáo Lý Văn L và Lý Văn N về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Triệu Đức T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; bị cáo Lý Văn L và bị cáo Lý Văn N phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Đức T từ 60 tháng tù đến 66 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn L từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù và bị cáo Lý Văn N từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2026.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lý Văn L và Lý Văn N. Đề nghị xử phạt tiền đối với bị cáo Triệu Đức T từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì ký hiệu T47; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ: Lý Văn L (1980), mặt sau phong bì có 02 (hai) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng K Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì ký hiệu T48; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: Lý Văn L (1980) (QĐTC A1085), mặt sau phong bì có 02 (hai) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng K Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B1; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ", mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A4; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "phong bì, giấy gói cũ vỏ bao thuốc vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 28/4/2026 tại tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên lưu hồ sơ vụ án", mặt sau phong bì có 08 (tám) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M5; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M6; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Phong bì niêm phong cũ T1 và T6 lưu hồ sơ", mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu L4; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu L5; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX 110, màu đen-xám, số khung: RLHJC5246DY065113, số máy: JC52E6101046, loại xe: hai bánh, dung tích: 109, số người được phép chở: 02, nguồn gốc: SX, LR trong nước, mang biển kiểm soát 97B1 – 384.68 xe cũ đã qua sử dụng cùng 01 chìa khóa của xe và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037635 mang tên H 1996, biển số đăng ký 97B1 - 384.68, cấp ngày 04/9/2014; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cùng 02 sim Viettel của Lý Văn L.

Tạm giữ để bảo đảm thi hành án 01 (một) điện thoại di động cùng 02 (hai) sim Viettel của bị cáo Lý Văn N; 01 (một) điện thoại di động cùng 01 (một) sim V1 và số tiền 1.740.000 đồng của Triệu Đức T.

Buộc bị cáo Triệu Đức T nộp lại số tiền 500.000 đồng do bán ma túy mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị N1 thể hiện: Giữ nguyên lời khai tại giai đoạn điều tra, tại giai đoạn xét xử không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, không thay đổi, bổ sung lời khai, không có yêu cầu gì; Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 28/4/2026 tại thôn P, xã C (nay thôn Đ, xã C) Triệu Đức T đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy, loại Heroine cho Lý Văn L, thu lợi bất chính số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra, bị cáo còn tàng trữ 2,094g (hai phẩy không chín bốn gam) ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng và bán cho người khác.

Khoảng 12 giờ, ngày 28/4/2026 tại khu vực tổ A, phường B (nay là tổ E, phường B) Lý Văn L và Lý Văn N đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Heroine, trong đó Lý Văn L tàng trữ 0,396g (không phẩy ba chín sáu gam), Lý Văn N tàng trữ trái phép 0,155g (không phẩy một năm năm gam). Mục đích các bị cáo tàng trữ để sử dụng thỏa mãn bản thân.

Hành vi của Triệu Đức T là độc lập. Bị cáo Lý Văn L và Lý Văn N là đồng phạm giản đơn có hành vi nhờ và mua hộ ma túy về sử dụng. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội và xâm phạm chính sách độc quyền

quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần phải xử lý nghiêm, nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên truy tố bị cáo Triệu Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; truy tố các bị cáo Lý Văn L và Lý Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lý Văn N có nhân thân tốt. Các bị cáo Triệu Đức T và Lý Văn L đều có nhân thân xấu, cụ thể:

Bị cáo Triệu Đức T: Tại bản án số 35/2023/HSST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 06/6/2024 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 28/4/2026 thực hiện hành vi phạm tội mới nên chưa được xóa án tích. Ngoài ra, ngày 11/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã được xóa án tích.

Bị cáo Lý Văn L: Ngày 27/9/2021 bị Công an xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Triệu Đức T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lý Văn L, Lý Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Triệu Đức T phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do có 01 bản án chưa được xóa án tích.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lý Văn L, Lý Văn N là các đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập, không có tài sản, mua ma túy để thỏa mãn nhu cầu bản thân nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L và N theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Triệu Đức T không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; thực hiện hành vi bán trái phép ma túy nhằm thu lợi bất chính. Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết phải áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo quy định tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) phong bì ký hiệu T47; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ: Lý Văn L (1980), mặt sau phong bì có 02 (hai) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng K Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì ký hiệu T48; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: Lý Văn L (1980) (QĐTC A1085), mặt sau phong bì có 02 (hai) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng K Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B1; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ", mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A4; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "phong bì, giấy gói cũ vỏ bao thuốc vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 28/4/2026 tại tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên lưu hồ sơ vụ án", mặt sau phong bì có 08 (tám) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M5; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M6; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Phong bì niêm phong cũ T1 và T6 lưu hồ sơ", mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu L4; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu L5; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

* Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước phương tiện dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội gồm:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX 110, màu đen-xám, số khung: RLHJC5246DY065113, số máy: JC52E6101046, loại xe: hai bánh, dung tích: 109cm³, số người được phép chở: 02, Nguồn gốc: SX, LR trong nước, mang biển kiểm soát 97B1 – 384.68 xe cũ đã qua sử dụng cùng 01 chìa khóa của xe kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037635 mang tên H 1996, biển số đăng ký 97B1 - 384.68, cấp ngày 04/9/2014 của Lý Văn L.

- 01 điện thoại di động cùng 02 sim Viettel của Lý Văn L.

* Tạm giữ để bảo đảm thi hành án các tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 (một) điện thoại di động cùng 02 (hai) sim Viettel của Lý Văn N;

- 01 (một) điện thoại di động cùng 01 (một) sim V1 và số tiền 1.740.000 đồng của Triệu Đức T.

* Buộc bị cáo Triệu Đức T nộp lại số tiền 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy mà có để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo không thuộc các trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[8] Vấn đề khác:

Theo lời khai của Triệu Đức T có 01 người đàn ông tên Ngô Thế V (không rõ địa chỉ) đã bán túy cho bị cáo vào ngày 27/4/2026 tại khu vực đường T thuộc xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không xác định được danh tính người đàn ông này nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- Đối với 01 xe mô tô BKS: 97B1-140.97 thuộc sở hữu của chị Nông Thị N1, chị N1 không biết T sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Do vậy ngày 22/7/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị N1 là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lý Văn L và Lý Văn N không đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Ngày 24/7/2026 Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ xử lý hành chính đến Công an phường B đề nghị xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Tuyên bố: Bị cáo **Triệu Đức T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Triệu Đức T 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2026.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Triệu Đức T 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Tuyên bố: Bị cáo **Lý Văn L** và bị cáo **Lý Văn N** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lý Văn L 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2026. Xử phạt bị cáo Lý Văn N 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2026.

1.3. Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo Triệu Đức T, Lý Văn L, Lý Văn N mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2 . Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

2.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì ký hiệu T47; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ: Lý Văn L (1980), mặt sau phong bì có 02 (hai) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng K Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì ký hiệu T48; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: Lý Văn L (1980) (QĐTC A1085), mặt sau phong bì có 02 (hai) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng K Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B1; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ “01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ”, mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A4; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "phong bì, giấy gói cũ vỏ bao thuốc vụn Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 28/4/2026 tại tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên lưu hồ sơ vụ án", mặt sau phong bì có 08 (tám) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M5; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M6; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2; Đặc điểm: mặt trước phong bì có dòng chữ "Phong bì niêm phong cũ T1 và T6 lưu hồ sơ", mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu L4; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu L5; Đặc điểm: mặt sau phong bì có 06 (sáu) chữ ký không đọc được cùng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T (vật chứng);

2.2. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước gồm:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX 110, màu đen-xám, số khung: RLHJC5246DY065113, số máy: JC52E6101046, loại xe: hai bánh, dung tích: 109, số người được phép chở: 02, nguồn gốc: SX, LR trong nước, mang biển kiểm soát 97B1 – 384.68 xe cũ đã qua sử dụng cùng 01 chìa khóa của xe; kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, đặc điểm: số 037635 mang tên H 1996, biển số đăng ký 97B1 - 384.68, cấp ngày 04/9/2014 của Lý Văn L.

- 01 điện thoại di động cùng 02 sim Viettel của Lý Văn L.

2.3. Tạm giữ để bảo đảm thi hành án:

- 01 (một) điện thoại di động cùng 02 (hai) sim Viettel của Lý Văn N;

- 01 (một) điện thoại di động cùng 01 (một) sim V1 và số tiền 1.740.000 (một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng của Triệu Đức T.

2.4. Buộc bị cáo Triệu Đức T nộp lại số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 6 -Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng THADS KV6 – Thái Nguyên;
- Cơ quan CSĐT CAT Thái Nguyên;
- Phòng HSNV CAT Thái Nguyên;
- Trại Tạm giam CA số 02 - Thái Nguyên;
- Phòng PC10 - Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Công an phường Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Út Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Kiên Cường Đặng Thị Thu

